**BÀI 1**

**A, a**

1. **MỤC TIÊU**

Giúp HS:

1. **Kiến thức**

* Nhận biết và đọc đúng âm a.
* Viết đúng chữ a. Phát triển kỹ năng nói lời chào hỏi.

1. **Kĩ năng**

* Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật và suy đoán nội dung tranh minh hoạ qua các tình huống reo vui “a”, tình huống cấn nói lời chào hỏi (chào gặp mặt, chào tạm biệt).

1. **Thái độ**

* Thêm yêu thích môn học

1. **CHUẨN BỊ**

* Nắm vững đặc điểm phát âm của âm a (lưu ý: âm a có độ mở của miệng rộng nhất). - Nấm vững cấu tạo, cách viết chữ a.
* Cần biết những tình huống reo lên “A! A!” (vui sướng, ngạc nhiên,..). - Cần biết, các bác sĩ nhi khoa đã vận dụng đặc điểm phát âm của âm a (độ mở của miệng rộng nhất) vào việc khám chữa bệnh. Thay vì yêu cầu trẻ há miệng để khám họng, các bác sĩ thường khích lệ các cháu nói "a... a.".

1. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS ôn lại các nét "cong kín", “nét móc xuôi" những nét cấu tạo nên chữ a kiểu chữ thường. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét cong kín, nét móc xuôi.  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Bức tranh vẽ những ai?  Nam và Hà đang làm gi?  Hai bạn và cả lớp có vui không?  Vì sao em biết?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  - GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo.  - GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lấn: Nam và Hà ca hát)''. Lưu ý, nói chung, HS không tự đọc được những câu nhận biết này; vi vậy, GV cần đọc chậm rãi với tốc độ phù hợp để HS có thể bắt chước.  - GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm a và giới thiệu chữ a (GV: Chú ý trong câu vừa đọc, có các tiếng Nam, và, Hà, ca, hát. Các tiếng này đếu chứa chữ a, âm a (được tô màu đỏ). Hôm nay chúng ta học chữ ghi âm a.  - GV viết/ trình chiếu chữ ghi âm a lên bảng.  **3. Đọc HS luyện đọc âm a**  -GV đưa chữ a lên bảng để HS nhận biết chữ này trong bài học.  - GV đọc mẫu âm a. Gv yêu cầu Hs đọc lại.  - GV sửa lỗi phát âm của HS (nếu cần thiết).  - GV có thể kể câu chuyện ngụ ngôn Thỏ và cá sấu để thấy rõ đặc điểm phát âm của âm a, Tóm tắt câu chuyện như sau  Thỏ và cá sấu vốn chẳng ưa gì nhau. Cá sấu luôn tìm cách hại thỏ nhưng lấn nào cũng bị bại lộ. Một ngày nọ, khi đang đứng chơi ở bờ sông, thỏ đã bị cá sấu tóm gọn. Trước khi ăn thịt thỏ, cá sấu ngậm thỏ trong miệng rói rít lên qua kẽ răng: Hu! Hu! Hu! Thỏ liền nghĩ ra một kế. Thỏ nói với cá sấu: “Anh kêu “hu hu hu", tôi chẳng sợ dâu. Anh phải kêu “ha ha ha" thi tôi mới sợ cơ” Cá sấu tưởng thật, kêu to “Ha! Ha! Ha!", thế là thỏ nhảy tót khỏi miệng cá sấu và chạy thoát.  Thỏ thoát chết nhờ những tiếng có âm a ở cuối miệng mở rất rộng. Nếu cá sấu kêu  "Ha! Ha! Ha!", miệng cá sấu sẽ mở rộng và thỏ mới dễ bể chạy thoát.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ và hướng dẫn HS quan sát  - GV viết mẫu, vừa viết vừa nếu quy trình và cách viết chữ a.  -GV yêu cầu Hs viết bảng | * Hs chơi   -Tranh vẽ Nam, Hà và các bạn.  - Nam và Hà đang ca hát.  - Các bạn trong lớp rất vui.  - Các bạn đang tươi cười, vỗ tay tán thưởng, tặng hoa,..)  - HS nói theo.  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  -Hs quan sát  -Một số (4 5) HS đọc âm a, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe và quan sát  -Hs lắng nghe  -HS viết chữ a thường (cỡ vừa) vào bảng con, Chú ý liên kết các nét trong chữ a. |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ a HS tô chữ a (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một. Chú ý liên kết các nét trong chữ a.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - GV yêu cầu HS đọc thầm a.  - GV đọc mẫu a.  - GV cho HS đọc thành tiếng a (theo cả nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV. (Chú ý đọc với ngũ diệu vui tươi, cao và dài giọng.)  -GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  Tranh 1  Nam và các bạn đang chơi trò chơi gi?  Vì sao các bạn vỗ tay reo a"?  Tranh 2  Hai bố con đang vui chơi ở đâu?  Họ reo to "a" vì điều gì?  - GV và HS thống nhất câu trả lời. (Gợi ý: Nam và các bạn đang chơi thả diều. Các bạn thích thú vỗ tay reo "a" khi thấy diều của Nam bay lên cao (tranh 1). Hai bố con đang vui chơi trong một công viên nước: Họ reo to "a" vì trò chơi rất thú vị phao tới điểm cuối của cầu trượt, nước bắn lên tung toé (tranh 2).  **7. Nói theo tranh**  - GV yêu cầu HS quan sát từng tranh trong SHS.  - GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Tranh 1  Tranh vẽ cảnh ở đâu?  Những người trong tranh đang làm gì? Theo em, khi vào lớp Nam sẽ nói gi với bố? Theo em, bạn ấy sẽ chào bố như thế nào? Tranh 2  Khi vào lớp học, Nam nhìn thấy ai đứng ở cửa lớp?  Nhìn thấy cô giáo, Nam chào cô như thế nào?  - GV và HS thống nhất câu trả lời. (Gợi ý: Tranh vẽ cảnh trường học. Bố chở Nam đến  trường học và đang chuẩn bị rời khỏi trường. Nam chào tạm biệt bố để vào lớp. Nam có thể nói: “Con chào bố ạ!", "Con chão bó, con vào lớp ạ!", "Bó ơi, tạm biệt ből", "Bố ơi, bố về nhé!", .(tranh 1). Nam nhìn thấy cô giáo. Nam có thể chào cô:  "Em chào cô ạ!” “Thưa cô, em vào lớp!"..(tranh 2).  - GV yêu cầu HS thực hiện nhóm đôi, đóng vai 2 tình huống trên (lưu ý thể hiện ngữ điệu và cử chỉ, nét mặt phù hợp).  - Đại diện một nhóm đóng vai trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm a.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ a (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  -HS viết  -HS nhận xét  - HS đọc thẩm a.  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -HS thực hiện  -HS đóng vai, nhận xét  -Hs lắng nghe |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BÀI 2**

**B, b**

1. **MỤC TIÊU**

Giúp HS:

1. **Kiến thức**

* Nhận biết và đọc đúng âm b; đọc đúng tiếng, từ ngữ, câu có âm b, thanh huyến; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng chữ b, dấu huyển; viết đúng các tiếng, từ ngữ có chữ bị dấu huyển.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa âm b và thanh huyền có trong bài học.

- Phát triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm Gia đình được gợi ý trong tranh.

**2. Kỹ năng**

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật (nhận biết những thành viên trong gia đỉnh: ông, bà, bố, mẹ, anh chị em) và suy đoán nội dung tranh minh hoạ (tinh yêu thương giữa ông bà và cháu; tình yêu thương giữa con cái với cha mẹ; cảnh gia đình sum họp, đám ẩm...).

**3.Thái độ**

* Thêm yêu thích môn học
* Cảm nhận được những tình cảm tốt đẹp trong gia đình.

1. **CHUẨN BỊ**

* GV cần nắm vững đặc điểm phát âm của âm b: phụ âm môi mói.
* GV cần nắm vững cấu tạo và cách viết chữ ghi âm b.
* Hiểu về một số sự vật:

+ Búp bê: đó chơi thân thiết của trẻ em (nhất là với trẻ em gái), thường được mô phỏng theo hình dáng của bé gái. Búp bê có thể làm từ vài, bông, nhựa..

+ Ba ba: con vật sống ở các vùng nước ngọt, có hình dáng giống rủa nhưng mềm, dẹt, phủ da, không vẩy.

1. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS ôn lại chữ a. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét tạo ra chữ a.  - HS viết chữ a  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Bức tranh vẽ những ai?  Bà cho bé dó chơi gi?  Theo em, nhận được quà của bà, bé có vui không? Vì sao?  - GV và HS thống nhất cầu trả lời.  - GV nói của thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo.  -GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thi dừng lại để HS dọc theo.  GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Bà cho bé búp bê. GV giúp HS nhận biết tiếng có âm b và giới thiệu chữ ghi âm b.  **3. Đọc HS luyện đọc âm b**  **a. Đọc âm**  - GV đưa chữ b lên bảng để giúp HS nhận biết chữ b trong bài học.  - GV đọc mẫu âm b (lưu ý: hai môi mim lại rồi đột ngột mở ra).  - GV yêu cầu HS đọc.  - GV có thể giới thiệu bài hát Búp bê bằng bông của tác giả Lê Quốc Thắng (các tiếng đều mở đầu bằng phụ âm b).  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng mẫu + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS) ba, bà.  + GV yêu cầu HS đánh vẫn tiếng mẫu ba, bà (bờ a ba; bờ a ba huyển bà). Cả lớp đồng thanh đọc  + Một số (4-5) HS đọc trơn Ghép chữ cái tạo tiếng  + HS tự tạo các tiếng có chứa b tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  + GV yêu cầu 3 4 HS phân tích tiếng, 2 - 3 HS nêu lại cách ghép.  + Lớp đọc trơn đồng thanh những tiếng mới ghép được.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ngữ: ba, bà, ba ba.  -Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ba (số 3), GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh.  - GV cho từ ba xuất hiện dưới tranh.  - Yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng ba, đọc trơn từ ba.  -GV thực hiện các bước tương tự đối với bà, ba ba.  - HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc.  - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ b và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ b.  - HS viết chữ b, ba, bà (chữ cỡ vừa) vào bảng con. Chú ý liên kết các nét trong chữ , giữa chữ b và chữ a, khoảng cách giữa các chữ; vị tri dấu huyến và khoảng cách giữa dấu huyền với ba khi viết bà.  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS. | -Hs chơi  -HS viết  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  - HS nói theo.  - HS đọc  - HS đọc  -Hs quan sát  -Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc âm b, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  -HS đọc  -HS đọc  -HS đọc  -HS đọc  -HS đọc  -HS quan sát  -HS nói  -HS quan sát  -HS phân tích và đánh vần  -HS đọc  -HS đọc  -Hs lắng nghe và quan sát  -Hs lắng nghe  -HS viết  -HS nhận xét  -Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ b HS tô chữ b (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - HS đọc thầm của "A, bà”,  - Tìm tiếng có âm b, thanh huyền.  -GV đọc mẫu “A, bà.” (ngữ điệu reo vui).  - HS đọc thành tiếng câu “A, bà." (theo cả nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi: Tranh vẽ những ai?  Bà đến thăm mang theo quà gi?  Ai chạy ra đón bà?  Cô bé có vui không? Vì sao ta biết?  Tình cảm giữa bà và bạn Hà như thế nào?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Tranh vẽ cảnh ở đâu, vào lúc nào?  Gia đình có mấy người? Gồm những ai? Khung cảnh gia đình như thế nào? Vì sao em biết?  - GV và HS thống nhất câu trả lới. (Gợi ý: Tranh vẽ cảnh gia đình, vào buổi tối, mọi người trong nhà dang nghi ngơi, quây quần bên nhau. Gia đình có 6 người: ông bà, bố mẹ và 2 con (một con gái, một con trai). Khung cảnh gia đình rất đầm ấm. Gương mặt ai cũng rạng rỡ, tươi vui; ông bà thư thái ngói ở ghế, mẹ bê đĩa hoa quả ra để cả nhà ăn, bố rót nước mời ông bà; bé gái chơi với gấu bông, bé trai chơi trò lái máy bay,.)  - Gv chia HS thành các nhóm, dựa theo tranh, giới thiệu về gia đình bạn nhỏ.  - Đại diện một nhóm thể hiện nội dung trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  - HS liên hệ, kể về gia đình mình.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm b.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ b (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  -HS viết  -HS nhận xét  - HS đọc thẩm.  - Hs tìm  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -HS thực hiện  -HS thể hiện, nhận xét  -HS kể  -Hs lắng nghe |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**LUYỆN VIẾT**

**LUYỆN VIẾT A, B**

**I. MỤC TIÊU:**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các âm A, b đã học.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  a,b,ba bà  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  a,b,ba bà. Mỗi chữ 3 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BÀI 3**

**C, c**

1. **MỤC TIÊU**

Giúp HS:

**1. Kiến thức**

- Nhận biết và đọc đúng ảm c; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, cầu có âm c, thanh sắc; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng chữ c, dấu sắc; viết đúng các tiếng, từ ngữ có chữ c, dấu sắc.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa âm c và thanh sắc có trong bài học.

**2. Kĩ năng**

- Phát triển kĩ năng nói lời chào hỏi.

- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật Nam, nhân vật Hà trong mối quan hệ với bố, bà; suy đoán nội dung tranh minh hoạ: “Nam và bố cấu cá”, “A, cá, và tranh “Chào hỏi" .

3. **Thái độ**

* Thêm yêu thích môn học
* Cảm nhận được tình cảm gia đình.

1. **CHUẨN BỊ**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm c; cấu tạo, quy trình và cách viết chữ , dấu sắc; nghĩa của các từ ngữ ca, cà, cá trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

1. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS ôn lại chữ b. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét tạo ra chữ b.  - HS viết chữ b  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS dọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Nam và bối cầu cá.  - GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm c, thanh sắc giới thiệu chữ ghi âm c, dấu sắc.  **3. Đọc HS luyện đọc âm c**  **a. Đọc âm c**  - GV đưa chữ c lên bảng để giúp HS nhận biết chữ c trong bài học.  - GV đọc mẫu âm c.  -GV yêu cầu HS đọc âm , sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng mẫu + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): ca, cá.  GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mỏ hình và đọc thành tiếng ca, cá.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu ca, cả (cờ - a ca; cờ a - ca sắc - cá).  - Lớp đánh văn đồng thanh tiếng mẫu.  + GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Ghép chữ cái tạo tiếng : HS tự tạo các tiếng có chứa c  - GV yêu cầu HS tìm chữ a thêm với chữ c để tạo tiếng ca.  - GV yêu cầu HS tìm chữ và dấu huyền ghép với chữ c để tạo tiếng cà.  - GV yêu cầu HS tim chữ a và dấu sắc ghép với chữ c để tạo tiếng cả.  - GV yêu cầu 3 4 HS phân tích tiếng. 2 3 HS nêu lại cách ghép.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ ca, cà, cả. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ca  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh, - GV cho từ ca xuất hiện dưới tranh  - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng ca, đọc trơn tử ca. GV thực hiện các bước tương tự đối với cả, cá.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nổi tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc, 2 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp doc đóng thanh một số lắn.  d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ c và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ c.  - HS viết chữ c, ca, cà (chữ cỡ vừa) vào bảng con. Chú ý liên kết các nét trong chữ , giữa chữ c và chữ a, khoảng cách giữa các chữ; vị tri dấu huyến và khoảng cách giữa dấu huyền với ca khi viết cà.  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS. | -Hs chơi  -HS viết  -Hs trả lời  -Hs trả lời  - HS nói theo.  - HS đọc  - HS đọc  -Hs lắng nghe  -Hs quan sát  -Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc âm c, sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  - Một số (4 5) HS đánh vần tiếng mẫu ca, cá (cờ - a ca; cờ a - ca sắc - cá).  - HS đánh vần  - Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  -HS tự tạo  -HS tìm  -HS tìm  -HS tìm  -HS phân tích  -HS quan sát  -HS nói  -HS quan sát  -HS phân tích và đánh vần  -HS đọc  -HS đọc  -Hs lắng nghe và quan sát  -Hs lắng nghe  -HS viết  -HS nhận xét  -Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ b HS tô chữ c (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - HS đọc thầm của "A, cá”,  - Tìm tiếng có âm c, thanh sắc.  -GV đọc mẫu “A, cá.” (ngữ điệu reo vui).  - HS đọc thành tiếng câu “A, cá." (theo cả nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  Bà và Hà đang ở đâu?  Hà nhìn thấy gi dưới hố?  Hà nói gì với bà?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Em nhìn thấy ai trong tranh?  Nam đang ở đâu?  Theo em, Nam sẽ nói gì khi gặp bác bảo vệ?  Nếu em là bác bảo vệ, em sẽ nói gì với Nam?  - GV giới thiệu nội dung tranh 1: Bạn Nam vai đeo cặp, đang đi vào trường. Nhin thấy bắc bảo vệ, Nam Khảo: Cháu chảo bác ạ. Bác bảo vệ tươi cười chào Nam: Bác chào cháu.  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Tranh vẽ cảnh ở đâu?  Có những ai trong tranh?  Nam đang làm gi?  Em thủ đoán xem Nam sẽ nói gì với các bạn?  Theo e các bạn trong lớp sẽ nói gì với Nam?  - GV giới thiệu nội dung tranh 2: Tranh vẽ cảnh lớp học trước giờ học. Trong lớp đã có một số bạn. Nam, vai đeo cập, mặt tươi cười, bước vào lớp và giơ tay vẫy chào các bạn. Nam nói: Chào các bạn! Một bạn trong lớp cũng giơ tay lên chào lại: Chào Nam!  - Gv chia HS thành các nhóm, dựa theo tranh.  - Đại diện một nhóm thể hiện nội dung trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm c.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ c (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  -HS viết  -HS nhận xét  - HS đọc thầm.  - Hs tìm  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -HS lắng nghe  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -HS lắng nghe  -HS thực hiện  -HS thể hiện, nhận xét  -Hs lắng nghe |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BÀI 4**

**E, e,Ê, ê**

1. **MỤC TIÊU**

Giúp HS:

**1. Kiến thức**

- Nhận biết và đọc đúng âm e, ê; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, cầu có âm e, ê; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

- Viết đúng chữ e, ê; viết đúng các tiếng, từ ngữ có chứa e, ê.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chửa âm e, có trong bài học.

- Phát triển triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm được gợi ý trong tranh Trên sân trường.

**2. Kỹ năng**

- Phát triển kỹ năng quan sát, nhận biết nhân vật bà, mẹ, bé và bạn bè, suy đoán nội dung tranh minh hoạ: "Bé kể mẹ nghe về bạn bè, “Bà bế bé và tranh “Trên sân trường”.

**3.Thái độ**

* Thêm yêu thích môn học
* Cảm nhận được tình cảm gia đình.

1. **CHUẨN BỊ**

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm e; cấu tạo, quy trình và cách viết chữ , dấu sắc; nghĩa của các từ ngữ trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này.

1. **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS ôn lại chữ c. GV có thể cho HS chơi trò chơi nhận biết các nét tạo ra chữ c.  - HS viết chữ c  **2. Nhận biết**  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  - GV nói câu thuyết minh (nhận biết dưới tranh và HS nói theo.  - GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo.  GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS dọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: Bé kể mẹ nghe về bạn bè.  - GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm e, giới thiệu chữ ghi âm e, ê.  **3. Đọc HS luyện đọc âm**  **a. Đọc âm**  - GV đưa chữ c lên bảng để giúp HS nhận biết chữ e, ê trong bài học.  - GV đọc mẫu âm e,ê.  -GV yêu cầu HS đọc âm e, âm ê sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  **b. Đọc tiếng**  - Đọc tiếng mẫu + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS): bé, bế.  GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng bé, bế.  + GV yêu cầu HS đánh vần tiếng mẫu bé, bế. (bờ e be sắc bé; bờ ê bé sắc bế)  - Lớp đánh văn đồng thanh tiếng mẫu.  + GV yêu cầu HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  - Ghép chữ cái tạo tiếng : HS tự tạo các tiếng có chứa e  - GV yêu cầu HS tìm chữ b ghép với chữ e và dấu huyển để tạo tiếng bè.  - GV yêu cầu HS tìm chữ b ghép với chữ e và dấu sắc để tạo tiếng bé.  - GV yêu cầu HS tìm chữ b ghép với chữ ế và dấu sắc để tạo tiếng bé.  - GV yêu cầu 3 -4 HS phân tích tiếng. 2- 3 HS nêu lại cách ghép.  **c. Đọc từ ngữ**  - GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ bè, bé, bế. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn ca  - GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh, - GV cho từ bè xuất hiện dưới tranh  - GV yêu cầu HS phân tích và đánh vần tiếng bè, đọc trơn tử bè. GV thực hiện các bước tương tự đối với bé, bế.  - GV yêu cầu HS đọc trơn nổi tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 4 lượt HS đọc, 2 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đóng thanh một số lắn.  d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.  **4. Viết bảng**  - GV đưa mẫu chữ e, chữ ê và hướng dẫn HS quan sát.  - GV viết mẫu và nêu cách viết chữ e, chữ ê.  - HS viết chữ e, bè, bé, bế (chữ cỡ vừa) vào bảng con. Chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng và liên kết các nét giữa chữ e, ê và các chữ khác.  - HS nhận xét, đánh giá chữ viết của bạn.  - GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS. GV quan sát sửa lỗi cho HS. | -Hs chơi  -HS viết  -Hs trả lời  -Hs trả lời  - HS nói theo.  - HS đọc  - HS đọc  -Hs lắng nghe  -Hs quan sát  -Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc âm e, âm ê sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  - Một số (4 5) HS đánh vần tiếng mẫu bé, bế. (bờ e be sắc bé; bờ ê bé sắc bế)  - HS đánh vần  - Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.  -HS tự tạo  -HS tìm  -HS tìm  -HS tìm  -HS phân tích  -HS quan sát  -HS nói  -HS quan sát  -HS phân tích và đánh vần  -HS đọc  -HS đọc  -Hs lắng nghe và quan sát  -Hs lắng nghe  -HS viết  -HS nhận xét  -Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Viết vở**  - GV hướng dẫn HS tô chữ b HS tô chữ e, chữ ê (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  - GV quan sát và hỗ trợ cho những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.  - GV nhận xét và sửa bài của một số HS  **6. Đọc**  - HS đọc thầm của "Bà bế bé”,  - Tìm tiếng có âm e, ê.  -GV đọc mẫu “Bà bế bé  - HS đọc thành tiếng câu “Bà bế bé” (theo cả nhân và nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV  - HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi:  Ai đang bế bé?  Vẻ mặt của em bé như thế nào?  Vẻ mặt của bà như thế nào?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  **7. Nói theo tranh**  - HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời:  Tranh vẽ cảnh ở đâu? (Sân trường);  Vào lúc nào? (Giờ ra chơi);  Có những ai trong tranh?  - GV và HS thống nhất câu trả lời.  -GV có thể mở rộng, dặn dò HS vui chơi trong giờ ra chơi, nhưng chú ý bảo đảm an toàn cho mình và cho bạn.  - Gv chia HS thành các nhóm, dựa theo tranh.  - Đại diện một nhóm thể hiện nội dung trước cả lớp, GV và HS nhận xét.  **8. Củng cố**  - GV lưu ý HS ôn lại chữ ghi âm e,ê.  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - Khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: chào tạm biệt, chào khi gặp. | - HS tô chữ e, hữ ê (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) vào vở Tập viết 1, tập một.  -HS viết  -HS nhận xét  - HS đọc thầm.  - Hs tìm  - HS lắng nghe.  - HS đọc  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS quan sát.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  - HS trả lời.  -HS lắng nghe  -HS thực hiện  -HS thể hiện, nhận xét  -Hs lắng nghe |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**LUYỆN VIẾT**

**LUYỆN VIẾT C, E,Ê**

**I. MỤC TIÊU:**

- Giúp HS củng cố về đọc viết các âm c, e,ê đã học.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Vở bài tập Tiếng Việt.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn đọc:**  - GV ghi bảng.  c, e,ê, bé, bê, ca  - GV nhận xét, sửa phát âm.  **2. Viết:**  - Hướng dẫn viết vào vở ô ly.  c, e,ê, bé, bê, ca . Mỗi chữ 2 dòng.  - Quan sát, nhắc nhở HS viết đúng.  **3. Chấm bài:**  - GV chấm vở của HS.  - Nhận xét, sửa lỗi cho HS.  **4. Củng cố - dặn dò:**  - GV hệ thống kiến thức đã học.  - Dặn HS luyện viết lại bài ở nhà. | - HS đọc: cá nhân, nhóm, lớp.  - HS viết vở ô ly.  - Dãy bàn 1 nộp vở. |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**BÀI 5**

**ÔN TẬP VÀ KỂ CHUYỆN**

1. **MỤC TIÊU**

Giúp HS:

**1. Kiến thức**

- Nắm vững cách đọc các âm a, b, c, e, ê, thanh huyển, thanh sắc; cách đọc các tiếng, từ ngữ, câu có các âm a, b, c, e, ê, thanh huyến, thanh sắc; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.

**2. Kĩ năng**

- Phát triển kĩ năng viết thông qua viết từ ngữ chứa một số âm chữ đã học.

- Phát triển kĩ năng nghe và nói thông qua hoạt động nghe kể câu chuyện Búp bê và dế mèn, trả lời câu hỏi về những gì đã nghe và kể lại câu chuyện. Qua câu chuyện, HS cũng được rèn luyện ý thức giúp đỡ việc nhà.

**3.Thái độ**

* Thêm yêu thích môn học

**II.** **CHUẨN BỊ**

- GV cần nắm vững đặc điểm phát âm của âm a, b, c, e, ê; cấu tạo và cách viết các chữ a, b, , , =, dấu huyền, dấu sắc nghĩa của các từ ngữ: ba bà, ba bé, cá bé, bê cá, bế bé trong bài học và cách giải thich nghĩa của những từ ngữ này. Chú ý nghĩa của những từ ngữ dễ nhầm lẫn: bế bé (mang em bé bằng cách dùng tay đỡ và giữ cho sát vào lòng).

**III.** **HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**TIẾT 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Ôn và khởi động**  - HS viết chữ a,b,c,e,ê  **2. Đọc âm, tiếng, từ ngữ**  **a. Đọc tiếng:**  - GV yêu cầu HS ghép âm đấu với nguyên âm để tạo thành tiếng (theo mẫu) và đọc to  tiếng được tạo ra: theo cá nhân, theo nhóm và đồng thanh cả lớp.  - Sau khi đọc tiếng có thanh ngang, GV có thể cho HS bổ sung các thanh điệu khác nhau để tạo thành những tiếng khác nhau và đọc to những tiếng đó.  **b. Đọc từ ngữ:**  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cá nhân, nhóm), đọc đóng thanh (cả lớp). Lưu ý: GV cũng có thể tổ chức hoạt động dạy học ở mục 2 này bằng cách tổ chức trò chơi phù hợp với HS. Tuy nhiên, cần đảm bảo yếu tố thời gian của tiết học.  **3. Đọc câu**  - HS đọc thầm cả câu, tìm tiếng có chứa các âm đã học trong tuần.  - GV đọc mẫu.  - GV yêu cầu HS đọc thành tiếng cả câu (theo cả nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.  **4. Viết**  - GV hướng dẫn HS tỏ và viết chữ số (6, 7, 8, 9, 0) và cụm từ bế bê vào vở Tập viết 1, tập một. Số lần lặp lại tuỳ thuộc vào thời gian.  - GV lưu ý HS cách nói nét giữa các chữ cái, vị trí của dấu thanh, khoảng cách giữa các chữ.  - GV quan sát và sửa lỗi cho HS. | -Hs viết  -Hs ghép và đọc  -Hs trả lời  - HS đọc  - HS đọc  - HS đọc  -Hs lắng nghe  -Một số (4 5) HS đọc sau đó từng nhóm và cả lớp đồng thanh đọc một số lần.  -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  -HS viết  -HS nhận xét  -Hs lắng nghe |

**TIẾT 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **5. Kể chuyện**  a. Văn bản  **BÚP BÊ VÀ DẾ MÈN**  Búp bê làm rất nhiếu việc: quét nhà, rửa bát, nău cơm. Lúc ngồi nghi, búp bê bỗng nghe thấy tiếng hát. Búp bê hỏi:  -Ai hắt đãy?  Có tiếng trả lời:  - Tôi hát đây. Tôi là dễ mèn. Thấy bạn bận rộn, vất vả, tôi hát để tặng bạn đấy.  Búp bê nói:  - Cảm ơn bạn! Tiếng hát của bạn đã làm tôi hết mệt đấy.  **b. GV kể chuyện, đặt câu hỏi và HS trả lời**  Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện.  Lần 2: GV kể từng đoạn và đặt câu hỏi. HS trả lời.  Đoạn 1: Từ đầu đến nghe thấy tiếng hát. GV hỏi HS:  1. Búp bê làm những việc gì?  2. Lúc ngồi nghi, búp bê nghe thấy gì?  Đoạn 2: Tiếp theo đến để tặng bạn đấy. GV hỏi HS:  3. Tiếng hát búp bé nghe thấy là của ai?  4. Vì sao dế mền håt tặng búp bê  Đoạn 3: Tiếp theo cho đến hết. GV hỏi HS:  5. Búp bê thấy thế nào khi nghe dě mẹ hát?  - GV có thể tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kể.  **c. HS kể chuyện**  -GV yêu cầu HS kể lại từng đoạn theo gợi ý của tranh và hướng dẫn của GV. Một số HS kể toàn bộ câu chuyện.GV cần tạo điều kiện cho HS được trao đổi nhóm để tìm ra câu trả lời phù hợp với nội dung từng đoạn của câu chuyện được kế. GV cũng có thể cho HS đóng vai kể lại từng đoạn hoặc toàn bộ câu chuyện và thi kế chuyện. Tuỷ vào khả năng của HS và điều kiện thời gian để tổ chức các hoạt động cho hấp dẫn và hiệu quả.  **6. Củng cố**  - GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.  - GV khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà: kế cho người thân trong gia đình hoặc bạn bè câu chuyện Búp bè và dễ mền. Ở tất cả các bài, truyện kế khỏng nhất thiết phải đấy đủ và chính xác các chi tiết như được học ở lớp. HS chỉ cán nhớ một số chi tiết cơ bản và kế lại. | -Hs lắng nghe  -Hs lắng nghe  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -Hs trả lời  -HS kể  -HS lắng nghe |